

QUY ĐỊNH

**một số chế độ chi tiêu hoạt động của Tỉnh ủy;
các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 02 đảng ủy khối
trực thuộc Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 09-QĐ/VPTW, ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 07-QC/TU, ngày 23/3/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII;

Theo đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của Tỉnh ủy; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 02 đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 02 đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy.

2. Đối tượng áp dụng

- Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy.
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy; Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy.
- 02 đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy; Ban Thường vụ 02 đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy.

Chương II

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA TỈNH ỦY

Điều 2. Chế độ chi xây dựng và thẩm định trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các văn bản theo Quy định số 66-QĐ/TW, ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án

1. Chi xây dựng văn bản:

a) Đối với văn bản ban hành mới:

- Văn bản do Tỉnh ủy ban hành: 30.000.000 đồng/văn bản.

- Văn bản do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: 20.000.000 đồng/văn bản

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung:

- Văn bản do Tỉnh ủy ban hành: 15.000.000 đồng/văn bản.

- Văn bản do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: 10.000.000 đồng/văn bản

c) Mức kinh phí quy định tại điểm a, b, khoản 1 Điều này do lãnh đạo cơ quan được giao chủ trì xem xét, quyết định chi cho các nội dung cụ thể sau:

- Chi xây dựng kế hoạch; đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết và biên tập, chỉnh sửa đến hoàn chỉnh văn bản; soạn thảo báo cáo giải trình (nếu có); tờ trình và văn bản chỉ đạo.

- Chi họp, hội thảo (theo quy định hiện hành); chi bồi dưỡng cho bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, phát hành tài liệu; bồi dưỡng công tác lập dự toán và quyết toán kinh phí.

d) Chi văn phòng phẩm được thanh toán từ kinh phí thường xuyên của cơ quan chủ trì.

e) Đối với các văn bản có sử dụng tài liệu nước ngoài, phải điều tra xã hội học; cơ quan chủ trì báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để quyết định về nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra. Chế độ chi cho dịch thuật và điều tra xã hội học thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi cho công tác thẩm định văn bản:

a) Đối với văn bản ban hành mới:

- Văn bản trình Tỉnh ủy: 5.000.000 đồng/văn bản.

- Văn bản trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 3.000.000 đồng/văn bản.

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung:

- Văn bản trình Tỉnh ủy: 2.500.000 đồng/văn bản.

- Văn bản trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 1.500.000 đồng/văn bản.

Điều 3. Chế độ chi xây dựng và thẩm định một số văn bản khác trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Chương trình làm việc toàn khóa của Tỉnh ủy: 20.000.000 đồng/chương trình.
2. Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Tỉnh ủy: 10.000.000 đồng/chương trình.
3. Chương trình làm việc năm của Tỉnh ủy: 5.000.000 đồng/chương trình.
4. Chỉ thị; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết (*không xây dựng đề án*) của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 3.000.000 đồng/văn bản.
5. Báo cáo định kỳ năm của Tỉnh ủy: 10.000.000 đồng/báo cáo.
6. Xây dựng các báo cáo khác: 6.000.000 đồng/báo cáo, bao gồm:
 - Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy.
 - Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm của Tỉnh ủy.
 - Báo cáo công tác tài chính đảng hàng năm và nhiệm kỳ trình Tỉnh ủy.
7. Mức kinh phí quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này, bao gồm:
 - Kinh phí cho công tác xây dựng văn bản bằng 2/3 mức kinh phí;
 - Kinh phí cho công tác thẩm định văn bản bằng 1/3 mức kinh phí.

Điều 4. Chế độ chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Mức chi: 8.000.000 đồng/cuộc kiểm tra, giám sát.
2. Mức chi quy định tại khoản 1 Điều này do trưởng đoàn kiểm tra, giám sát quyết định chi cho một số nội dung cụ thể sau:
 - Chi xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát bao gồm: Kế hoạch, đề cương kiểm tra, giám sát.
 - Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; thông báo kết luận kiểm tra, giám sát.
 - Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát.

Điều 5. Chế độ chi hội nghị

Chế độ chi hội nghị thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước; đối với tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ của đại biểu và khách mời một số hội nghị được quy định như sau:

1. Hội nghị Tỉnh ủy, hội nghị do Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập và chủ trì (*Không bao gồm hội nghị thường kỳ một tháng một lần của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*):

- Chi tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị: 200.000 đồng/người/ngày.

- Chi tiền thuê phòng nghỉ (*đối với đại biểu ở xa phải nghỉ lại trong thời gian hội nghị*) thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Hội nghị tổng kết năm theo ngành của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy tổ chức được chi tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị: 150.000 đồng/người/ngày.

Điều 6. Chế độ chi tiếp công dân

1. Chế độ bồi dưỡng

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Chế độ trang phục tiếp công dân

Cán bộ, công chức được phân công chuyên trách tiếp công dân và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo được hỗ trợ tiền may trang phục 400.000 đồng/người/năm và được hưởng chế độ hỗ trợ trang phục theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Quy định này.

Điều 7. Chế độ chi cho công tác xã hội

1. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách, cán bộ lão thành cách mạng, người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, nhân sĩ, trí thức yêu nước... thực hiện theo quy định chung của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các chế độ, chính sách của tỉnh đối với cán bộ.

2. Chế độ thăm hỏi, phúng viếng

a) Chế độ thăm hỏi

- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (*kể cả nguyên chức*) khi ốm, điều trị tại bệnh viện, mức chi 2.000.000 đồng/người. Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện chế độ chi này.

- Cán bộ, công chức, người lao động (*kể cả người đã nghỉ hưu*) làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy khi ốm, điều trị tại bệnh viện, mức chi 1.000.000 đồng/người. Cán bộ, công chức, người lao động thuộc cơ quan nào do cơ quan đó thực hiện chế độ chi này.

Trường hợp các đối tượng trên đây bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh đặc biệt thực hiện theo quy định chung của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các chế độ, chính sách của tỉnh đối với cán bộ.

b) Chế độ phúng viếng

- Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (*kể cả nguyên chức*) khi từ trần: Mức chi 2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa (1.000.000 đồng).

- Cán bộ, công chức, người lao động (*kể cả người đã nghỉ hưu*) làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy khi từ trần: Mức chi 2.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa (500.000 đồng).

- Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (*chồng*); vợ (*chồng*); con của Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (*kể cả nguyên chức*) khi từ trần: Mức chi 1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa (500.000 đồng).

- Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (*chồng*); vợ (*chồng*); con của cán bộ, công chức, người lao động làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy khi từ trần: Mức chi 1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa (500.000 đồng).

c) Các trường hợp thăm hỏi, phúng viếng đối với các đối tượng chính sách, cán bộ, công chức và thân nhân ở các cơ quan, đơn vị trong tỉnh không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định chung của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các chế độ, chính sách của tỉnh đối với cán bộ.

Điều 8. Một số chế độ khác

1. Chế độ trang phục

a) Mỗi nhiệm kỳ, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được hỗ trợ tiền may trang phục với mức chi 3.000.000 đồng/người. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoặc là đại biểu Quốc hội thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng hoặc đại biểu Quốc hội.

b) Cán bộ, công chức, người lao động làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục 500.000 đồng/người/năm. Đối tượng không áp dụng quy định tại điểm này: Cán bộ làm công tác cơ yếu; các đồng chí được hưởng chế độ trang phục nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này.

2. Chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động của Tỉnh ủy:

Cán bộ, công chức và người lao động theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu,

giúp việc của Tỉnh ủy được hưởng chế độ bồi dưỡng hằng tháng hệ số 0,3 mức lương cơ sở.

3. Chế độ bồi dưỡng công tác văn thư:

Cán bộ, công chức làm công tác văn thư tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy được hưởng chế độ bồi dưỡng hằng tháng hệ số 0,1 mức lương cơ sở.

4. Chế độ tặng quà lưu niệm:

Cán bộ, công chức, người lao động làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy khi nghỉ hưu, chuyển công tác được tặng quà lưu niệm như sau:

- Nghỉ hưu: 1.000.000 đồng/người;
- Chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng: 500.000 đồng/người.

Chương III

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA 02 ĐẢNG ỦY KHỐI TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

Điều 9. Các chế độ chi

1. Chi xây dựng và thẩm định trình ban chấp hành, ban thường vụ Đảng ủy Khối ban hành các văn bản theo Quy định số 66-QĐ/TW, ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 2 Quy định này.

2. Chi xây dựng và thẩm định một số văn bản khác trình ban chấp hành, ban thường vụ Đảng ủy Khối:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 3 Quy định này.

3. Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của ban thường vụ Đảng ủy Khối:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 4 Quy định này.

4. Chi hội nghị:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 5 Quy định này. Riêng chi tiền thuê phòng nghỉ (đối với đại biểu ở xa phải nghỉ lại trong thời gian hội nghị) thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Chi cho công tác xã hội:

Thực hiện chế độ chi theo Điều 7 Quy định này.

6. Một số chế độ khác:

Thực hiện chế độ chi theo Điều 8 Quy định này.

Chương IV

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HUYỆN ỦY, THỊ ỦY, THÀNH ỦY

Điều 10. Các chế độ chi

1. Chi xây dựng và thẩm định trình ban chấp hành, ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy ban hành các văn bản theo Quy định số 66-QĐ/TW, ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 2 Quy định này.

2. Chi xây dựng và thẩm định một số văn bản khác trình ban chấp hành, ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 3 Quy định này.

3. Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 4 Quy định này.

4. Chi hội nghị:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 5 Quy định này. Riêng chi tiền thuê phòng nghỉ (đối với đại biểu ở xa phải nghỉ lại trong thời gian hội nghị) thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Chi công tác tiếp dân:

5.1. Chế độ bồi dưỡng

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 320/2016/TT-BTC, ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

5.2. Chế độ trang phục tiếp công dân

Cán bộ, công chức được phân công chuyên trách tiếp công dân và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo được hỗ trợ tiền may trang phục 200.000 đồng/người/năm và được hưởng chế độ hỗ trợ trang phục theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Quy định này.

6. Chi cho công tác xã hội:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 7 Quy định này.

7. Một số chế độ khác:

Bằng 50% mức chi tương ứng tại Điều 8 Quy định này. Riêng chế độ trang phục đối với các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Quốc hội thì thực hiện chế độ trang phục của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Quốc hội, không được hưởng chế độ trang phục đối với cấp huyện.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các chế độ chi trong Quy định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án thuộc biên chế của cơ quan nào thì cơ quan đó thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

3. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Quy định này thay thế Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 25/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chế độ chi tiêu hoạt động của Tỉnh ủy và Quy định số 08-QĐ/TU, ngày 25/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chế độ chi tiêu hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 02 đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng (để b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy,
- 02 đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- Sở Tài chính,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Nguyễn Khắc Toàn